

Số: /BC-SNN

Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO THAM LUẬN

Tại Hội nghị sơ kết công tác phối hợp đảm bảo ATTP, nâng cao chất lượng nông, lâm, thủy sản giao thương giữa thành phố Hà Nội với các tỉnh, thành phố năm 2022

Bắc Giang là tỉnh miền núi nằm chuyển tiếp giữa các tỉnh phía Đông Bắc với các tỉnh Đồng bằng sông Hồng và thủ đô Hà Nội. Có tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh trên 389.500 ha, diện tích đất nông nghiệp 305.699 ha chiếm 78,5% diện tích, trong đó diện tích đất sản xuất trồng trọt 147.132 ha, diện tích đất lâm nghiệp 145.808 ha, diện tích nuôi trồng thủy sản 12.500 ha, còn lại là đất nông nghiệp khác. Đặc biệt, Bắc Giang được thiên nhiên ưu đãi ít chịu ảnh hưởng nặng do thiên tai như: Bão, lũ và thời tiết cực đoan; đồng thời tạo ra các tiểu vùng khí hậu đa dạng. Với điều kiện tự nhiên, khí hậu, đất đai trên là tiềm năng để Bắc Giang phát triển đồng bộ cả về công nghiệp, thương mại dịch vụ và đặc biệt là lợi thế về phát triển sản xuất nông nghiệp đa dạng so với các tỉnh miền núi và các tỉnh Đồng bằng Bắc bộ, như phát triển đa dạng các cây trồng, vật nuôi, nhất là phát triển cây ăn quả, gia súc, gia cầm, thủy sản và trồng rừng kinh tế.

Tỉnh Bắc Giang có diện tích gieo cấy lúa gần 48.000 ha; diện tích rau gần 20.000 ha; ngô, lạc 15.000 ha; Cây ăn quả (vải, cam, bưởi) 38.100 ha; tổng đàn trâu trên 37.000 con; đàn bò trên 112.000 con; đàn lợn 931.000 con; đàn gia cầm gần 21 triệu con. Khối lượng nông sản tạo ra từ các vùng sản xuất của tỉnh khá lớn: lúa gạo 285.000 tấn, rau đậu 400.000 tấn, quả các loại trên 200.000 tấn; sản lượng thịt gia súc, gia cầm gần 134.000 tấn; gần 24.000 tấn thủy sản; hàng triệu quả trứng gia cầm. Bên cạnh đó, các sản phẩm chủ lực, đặc trưng cũng được chú ý đẩy mạnh, sản lượng mật ong rừng của tỉnh trên 01 triệu lít, trên 2.000 tấn nấm tươi. Một số sản phẩm đã có thương hiệu nổi tiếng trong và ngoài nước như: Vải Thiều, gà đồi Yên Thế, rau Cần Hiệp Hòa, na, dứa Lục Nam, mật ong rừng ...

Sản lượng nông sản khá lớn, khoảng cách địa lý gần Hà Nội, hệ thống giao thông thuận tiện cả về đường bộ, đường thủy, đường sắt là lợi thế lớn của tỉnh Bắc Giang để giao thương hàng hóa nông, lâm, thủy sản với thành phố Hà Nội. Tỉnh Bắc Giang cũng đã tham gia Chương trình phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND thành phố Hà Nội về đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông, lâm, thủy sản giao thương giữa thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố giai đoạn 2021 - 2025. Trong hội nghị sơ kết công tác phối

hợp này Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang tham luận với các nội dung sau:

1. Đánh giá công tác phối hợp về việc quản lý chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng; Kết nối giao thương sản phẩm tiêu thụ sản phẩm nông lâm thủy sản giao thương giữa tỉnh Bắc Giang với thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố khác.

Với sản lượng nông sản hàng hóa của tỉnh Bắc Giang là khá lớn như đã nêu trên, hiện nay, thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản hàng hóa bao gồm 40-60% tiêu thụ trong tỉnh, số còn lại tiêu thụ tại: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Huế, Đà Nẵng và một số tỉnh phía Nam.

- Sản lượng thịt hơi các loại xuất chuồng 6 tháng đầu năm 2022 đạt khoảng 267.100 tấn, tiêu thụ nội tỉnh 50%, còn 50% tiêu thụ tỉnh ngoài; rau các loại 350.000 tấn (40% tiêu thụ tỉnh ngoài)... Riêng cây trồng vụ Đông, tổng diện tích rau các loại khoảng 13.000 ha, sản lượng đạt khoảng 252.000 tấn (Trong đó rau chế biến đạt 2.460 ha, sản lượng 50.000 tấn tiêu thụ trong tỉnh khoảng 70% sản lượng, còn lại tiêu thụ ngoài tỉnh khoảng 30%.

- Sau khi Kế hoạch được ký kết, Tỉnh Bắc Giang và thành phố Hà Nội đã triển khai chuỗi các chương trình, sự kiện nhằm tuyên truyền, quảng bá và kết nối tiêu thụ các sản phẩm của hai địa phương. Thông qua các hoạt động kết nối, hàng năm các nhà cung cấp của tỉnh Bắc Giang cung ứng cho thị trường Hà Nội khoảng 15.000 tấn thịt gà (trong đó các HTX cung ứng khoảng 200 tấn gà đồi Yên Thế), hơn 1.000 tấn rau các loại, 2.500 tấn mỳ gạo, 1.350 tấn trái cây, 40 tấn giấm hoa quả, 14 tấn mật ong... các loại các sản phẩm được kết nối tiêu thụ trong hệ thống phân phối bán lẻ tại các siêu thị lớn như: Mega Market; GO; Coopmart các chợ đầu mối ở Thành phố Hà Nội.

Để thực hiện việc quản lý chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng hàng hóa cung cấp cho thị trường, trong đó có thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Giang đã chú trọng chỉ đạo, thực hiện nhiều giải pháp như:

- *Quy hoạch, phát triển vùng sản xuất, chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm nông lâm thủy sản.* Đã hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung như: vùng cây ăn quả 40.000 ha tại các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Tân Yên, Yên Thế..., trong đó có vùng vải thiều 29.698 ha; vùng sản xuất rau an toàn, rau chế biến 12.600 ha tại các huyện Tân Yên, Lạng Giang, Yên Dũng, Việt Yên, Hiệp Hòa, Lục Nam, thành phố Bắc Giang; vùng lạc giống tại huyện Tân Yên, Hiệp Hòa... Trong chăn nuôi đã có bước chuyển biến mạnh mẽ từ chăn nuôi nhỏ lẻ, hộ gia đình sang chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp, chăn nuôi theo mô hình trang trại, gia trại, áp dụng quy trình an toàn sinh học, từng

bước ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- *Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm.* Đã có 64 chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm được xây dựng, duy trì và phát triển từ khâu sản xuất đến khi tiêu thụ ra thị trường. Một số chuỗi nông sản an toàn gắn với giám sát, kiểm soát thường xuyên chất lượng an toàn thực phẩm.

- *Tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông, lâm, thủy sản.* Kiểm tra, thanh tra, giám sát định kỳ, kế hoạch điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm; kiểm tra đảm bảo an toàn thực phẩm các cơ sở, vùng sản xuất rau, quả, chè, chăn nuôi, giết mổ tập trung trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kiểm dịch vận chuyển ngoại tỉnh 6 tháng đầu năm được 2.049 chuyến kiểm dịch vận chuyển (39 chuyến trâu, bò với 555 con, 1.324 chuyến lợn với gần 171.000 con, 1.378 chuyến gia cầm với gần 3.700.000 con, 208 chuyến sản phẩm động vật với gần 56.000 kg. Hàng năm thực hiện giám sát chất lượng sản phẩm nông sản, thủy sản, lấy 150 mẫu nông sản tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo chuỗi sản nông sản, vùng sản xuất tập trung... để kiểm soát đánh giá chất lượng sản phẩm.

2. Công tác chuyển đổi số, ứng dụng thương mại điện tử trong xây dựng chuỗi giá trị nông sản.

2.1. Hiện trạng công tác chuyển đổi trong nông nghiệp, phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang

- Trong năm 2022, Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Giang số hoá cho 129 vùng trồng cây ăn quả tập trung; Xây dựng mã Qrcode, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho 05 Hợp tác xã, doanh nghiệp; Xây dựng gian hàng không gian ảo lên sàn thương mại điện tử cho 10 hợp tác xã.

- Triển khai đề án tự động hóa trong nuôi thủy sản thâm canh giai đoạn 2021-2025. Trong 6 tháng đầu năm đã triển khai được 19ha với 15 hộ dân trong các tổ hợp tác tham gia trên địa bàn các xã Yên Sơn huyện Lục Nam, xã Hợp Thịnh huyện Hiệp Hòa, xã Đại Lâm huyện Lạng Giang theo đề án các nội dung hỗ trợ triển khai cho người nuôi thủy sản bao gồm các hệ thống máy móc bao gồm: máy cho ăn tự động, máy tạo oxy, hệ thống camera, tủ điện khiển từ xa, con giống... qua triển khai các hộ dân nhiệt tình tham gia và các mô hình đạt hiệu quả cao về năng suất, sản lượng và giảm công lao động.

- Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước trong giai đoạn 2021-2025. Thực hiện giám sát, quản lý bảo vệ rừng bằng hệ thống Camera có chức năng phát hiện tình trạng phá rừng, cháy rừng, hệ thống thu phát tín hiệu từ các vị trí lắp đặt Camera về trung tâm điều hành với các chức năng cảnh báo sớm các

đám phá rừng, cháy rừng, giảm thiểu thiệt hại diện tích rừng bị cháy, phá gây ra. Trung tâm điều hành giám sát, quản lý bảo vệ rừng đặt tại VP Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bắc Giang để giúp cán bộ Kiểm lâm quan sát trực quan, rõ nét toàn cảnh hiện trường rừng trong phạm vi quản lý.

Ứng dụng thiết bị bay không người lái (Flycam) vào tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, cảnh báo nguy cơ cháy rừng; kịp thời phát hiện cháy rừng, phá rừng, khai thác lâm sản trái pháp luật để ngăn chặn, xử lý triệt để; kịp thời phát hiện ra sâu bệnh hại rừng để đưa ra biện pháp xử lý kịp thời làm cho rừng được bảo vệ tốt hơn.

Ứng dụng công nghệ thông tin và GIS (Hệ thống thông tin địa lý) vào xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng và theo dõi diễn biến rừng, đất lâm nghiệp hàng năm. Quá trình thực hiện đã sử dụng nhiều phần mềm GIS, viễn thám, bản đồ và các phần mềm chuyên ngành như *Mapinfo, MicroStation, AutoCad, QGIS, Arcgis, ENVI,...* vào theo dõi và cập nhật diễn biến rừng. Đến nay đã xây dựng được Hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp của tỉnh đồng bộ với Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (*FORMIS*) toàn quốc.

2.2. Hiện trạng kết nối thương mại điện tử trong kinh doanh nông, lâm, thủy sản

Đã tổ chức đưa trên 100 lượt sản phẩm OCOP của tỉnh tham gia Hội chợ triển lãm thực tế ảo tại diễn đàn Quốc tế chuyển đổi số nông nghiệp Việt Nam do Bộ ngoại giao và Bộ Nông nghiệp & PTNT tổ chức, nhằm quảng bá, giới thiệu, xúc tiến thương mại các sản phẩm OCOP của tỉnh. Diễn đàn có gần 1.500 đại biểu tham dự, trên 300.000 lượt tham quan triển lãm; về phía quốc tế có hơn 100 đại biểu là những chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực chuyển đổi số nông nghiệp, trong đó có các diễn giả đến từ Mỹ, Nhật Bản, Hà Lan, Israel, Ngân hàng thế giới, tập đoàn Tài chính quốc tế, đoàn ngoại giao, các tổ chức quốc tế và các hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam cùng nhiều doanh nghiệp nước ngoài đang đầu tư, kinh doanh tại các địa phương trong cả nước, các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài.

Các chủ thể chủ động đưa sản phẩm tham gia vào các kênh bán hàng online như: Voso, san24h; shopee; tiki...qua đó giúp sản phẩm tiêu thụ thuận lợi trong mùa dịch (sản phẩm Mỳ gạo Chũ của HTX sản xuất kinh doanh và tiêu thụ mỳ Trại Lâm xã Nam Dương; HTX sản xuất và tiêu thụ mỳ chũ Nam Thê; các sản phẩm chế biến từ gà đồi Yên Thế của HTX nông nghiệp xanh Yên Thế...)

2.3. Lợi ích

- Thuận tiện cho người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng sản phẩm tiếp cận thị trường, giao thương hàng hoá.

- Đảm bảo cho công tác quản lý sản phẩm nông lâm thủy sản, lưu giữ, khai thác số liệu nhanh chóng.

- Xây dựng mã Qrcode, tem truy suất nguồn gốc; xây dựng gian hàng không gian ảo lên sàn thương mại điện tử, giúp người tiêu dùng an tâm về chất lượng sản phẩm.

2.4. *Khó khăn, thức thức*

- Hạ tầng kỹ thuật về công nghệ thông tin, hạ tầng mạng internet, truyền thông cũ, lạc hậu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng cho yêu cầu chuyển đổi số, dẫn đến khó khăn trong kết nối, liên thông, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp tiếp cận sử dụng dịch vụ, kinh doanh, môi trường mạng chưa được cao; nhiều doanh nghiệp của tỉnh còn chưa chủ động tiếp cận, ứng dụng công nghệ mới; quy mô kinh tế số còn nhỏ.

- Nội dung chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp là nội dung mới, người sản xuất, kinh doanh chưa thay đổi lề lối, chưa có thói quen làm việc trên môi trường mạng; chưa có các cơ chế chính sách để thu hút đầu tư, phát triển, thúc đẩy đổi mới công nghệ. Đặc biệt, các ứng dụng số được trang bị cho một số cơ sở hiện nay chưa thể phát huy tác dụng của nó khi thiếu cơ sở dữ liệu lớn cho sản xuất, thiếu kết nối chia sẻ đồng bộ thông tin của tất cả các khâu sản xuất, quản lý, thương mại nông sản; Do đó rất cần sự hỗ trợ từ chính sách của Nhà nước.

3. Kinh nghiệm ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, mã vùng trồng, tiêu chuẩn quốc tế (GlobalGAP, HACCP, ISO)... trong nâng cao chất lượng, phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản cho thành phố Hà Nội và tiêu dùng nội địa

3.1. Hiện trạng kết quả thực hiện tại tỉnh Bắc Giang

- *Ứng dụng công nghệ cao:* Toàn tỉnh đã xây dựng 766 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất hiệu quả (trồng trọt 332 mô hình, chăn nuôi 200 mô hình, thủy sản 210 mô hình, lâm nghiệp 24 mô hình). Trong trồng trọt đã ứng dụng công nghệ thời tiết thông minh Imetos, mã QR Code truy xuất nguồn gốc, công nghệ tưới thông minh, sử dụng máy bay không người lái trong gieo mạ, phun thuốc BVTV, số hoá các vùng sản xuất để quản lý quy trình sản xuất. Trong chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học, chế phẩm vi sinh xử lý môi trường, áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học; thụ tinh nhân tạo cho gà; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dịch bệnh bằng Hệ thống thông tin dịch bệnh động vật trực tuyến. Trong nuôi trồng thủy sản ứng dụng tự động hoá trong tạo oxy, cho ăn, đo môi trường nước.

- *Nông nghiệp hữu cơ:* đã có 01 ha rau được chứng nhận hữu cơ; 02 mô hình chăn nuôi được chứng nhận hữu cơ, trong đó có 01 mô hình gà với quy mô 3000 con/2 lứa/ năm; 01 mô hình chăn nuôi lợn với quy mô 300 con. 01 mô hình

chè quy mô 01 ha; 01 mô hình bưởi quy mô 01ha đang xây dựng để chứng nhận hữu cơ.

- *Mã vùng trồng, tiêu chuẩn quốc tế (GlobalGAP, HACCP, ISO):* Toàn tỉnh có 149 mã vùng trồng vải thiều với diện tích 15.000ha xuất khẩu sang thị trường Nhật bản, Trung Quốc, Hoa kỳ, Eu, Thái Lan...và tiêu thụ nội địa. 485 cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và áp dụng quản lý theo HACCP, ISO. Diện tích sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP là 10.200 ha, Vải sản xuất theo hướng VietGap diện tích đạt 15.400 ha, Vải GlobalGAP, vải cấp mã xuất sang thị trường Mỹ, Nhật, EU diện tích là 555,51 ha. Diện tích sản xuất thâm canh thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAHP là 5.529 ha, tổng đàn chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP là 1.042.000 con, tổng đàn chăn nuôi gia cầm theo tiêu chuẩn VietGAP là 10.912.000 con. Diện tích đã được chứng nhận VietGAP: Cây ăn quả là 3.489 ha/32.086 tấn, chè là 21 ha/378 tấn, rau là 633 ha/30.728 tấn, lúa là 50 ha/300 tấn; Diện tích nuôi trồng thủy sản của tỉnh được cấp chứng nhận VietGAP là 225 cơ sở, tổng diện tích 402 ha sản lượng 4.207 tấn; 15 trang trại với 960 tấn, 8 hộ với 9.285 tấn.

3.2. Kinh nghiệm rút ra trong quá trình chỉ đạo thực hiện

- Phải có sự quan tâm vào cuộc, phối hợp chỉ đạo một cách quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở; công tác tuyên truyền có ý nghĩa quan trọng tạo sự đồng tình hưởng ứng của người dân, doanh nghiệp.

- Quan tâm quy hoạch nông nghiệp công nghệ cao; phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao phải tổ chức thành vùng tập trung, có mục tiêu, định hướng rõ ràng, có chính sách khuyến khích phát triển phù hợp.

- Trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ chủ thể triển khai phải là các doanh nghiệp, các HTX, tổ hợp tác và các hộ nông dân tiêu biểu, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò tiên phong hỗ trợ nông dân tiếp cận tốt với các công nghệ và ứng dụng công nghệ vào sản xuất, định hướng thị trường và liên kết với nông dân để mở rộng quy mô sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu và phát triển thương hiệu sản phẩm, ổn định thị trường.

- Cần lựa chọn đối tượng cây trồng, vật nuôi có giá trị, phù hợp với ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ để đưa vào sản xuất gắn với việc tổ chức lại sản xuất theo hợp tác xã, theo chuỗi liên kết chặt chẽ từ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo hướng bền vững.

- Việc ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, mã vùng trồng, tiêu chuẩn quốc tế (GlobalGAP, HACCP, ISO) đối với các sản phẩm

nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất với quy mô lớn, có sự hợp tác, liên kết theo chuỗi cung ứng sản phẩm giá trị bền vững.

Trên đây là báo cáo tham luận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang./.

Nơi nhận:

- Chi cục QLCL Nông lâm sản và TS Hà Nội;
- ccqlclnlsts_sonnpnt@hanoi.gov.vn;
- PGĐ sở Lê Bá Thành;
- Lưu: VT, Hiền HCTT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Bá Thành